

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/DS-PT

Ngày 24-3-2021

V/v Yêu cầu chấm dứt hành vi trái  
pháp luật, bồi thường thiệt hại và đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy  
Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phụng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLPT-DS ngày 19/01/2021 về “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật, bồi thường thiệt hại và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1971

Địa chỉ: xx, L, khu phố x, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Võ Thanh D, sinh năm 1992

- Địa chỉ: xxx/x ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1944

Địa chỉ: xxx, ấp x, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990 -  
Địa chỉ: xxxA, M, phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Thanh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: xxx, ấp x, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

*Người đại diện theo ủy quyền của anh H:* Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990 -

Địa chỉ: xxxA, M, phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Anh Lê Tấn L, sinh năm 1982

Địa chỉ: xxx, ấp x, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

*Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/8/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Võ Thanh D trình bày:*

Chị Trần Thị Mỹ T là chủ sử dụng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, diện tích 885,2 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ngày 24/4/2020, chị T thuê người tiến hành việc xây dựng tường rào xung quanh đất, khi thợ đang tiến hành xây dựng thì bà Nguyễn Thị T1 cùng các con cầm dao hăm dọa không cho xây, sự việc chị T có báo Công an xã P lập biên bản. Đến ngày 27/4/2020 chị T tiếp tục cho thợ xây dựng hàng rào thì bà T1 lại cầm dao hăm dọa, dùng lời lẽ xúc phạm không cho xây dựng, sự việc được Công an xã P tiếp tục lập biên bản. Ngoài ra, bà T1 còn đào bới đất, lấy đất trên thửa đất 203 của chị T để bồi lấp trên đất của bà T1, làm loang lổ, thay đổi bề mặt trên đất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T. Chị T đã nhiều lần tiếp xúc, giải thích, thuyết phục bà T1 và các con bà T1 là anh H, anh L, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09 của chị T nhưng bà T1 không thực hiện. Trong lúc chị T đang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì vào tháng 7 năm 2020 thì bà T1, anh H, anh L đã tự ý cất một căn chòi tạm cột gỗ, mái tôn có diện tích qua đo đạc là 7,3 m<sup>2</sup> trên thửa đất 203 của chị T. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, diện tích 885,2 m<sup>2</sup> tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị Mỹ T đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L phải bồi thường thiệt hại số tiền là 6.937.600 đồng, theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng, nay chị T xin rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 6.937.600 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L phải di dời căn nhà tạm để

tra cho đất cho chị T, căn nhà có diện tích 7,3 m<sup>2</sup> trên thửa 203 tờ bản đồ số 09 do chị T đứng tên.

*Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Văn T3 trình bày:*

Gia đình bà T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T, gia đình bà T1 không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của chị T, không gây thiệt hại gì đối với chị T, căn nhà trên đất của chị T anh không xác định được là của ai nên bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện không có cơ sở và mang tính áp đặt.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Tấn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T:

Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do chị Trần Thị Mỹ T đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L có trách nhiệm di dời căn nhà (tạm) kết cấu nền đất, mái tôn, cột gỗ để trả cho chị Trần Thị Mỹ T phần đất có diện tích 7,3 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do chị Trần Thị Mỹ T đứng tên quyền sử dụng đất. Ghi nhận việc hộ bà T1 không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền 6.937.600 (Sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L bồi thường thiệt hại đối với số tiền 13.062.400 (Mười ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Văn T3 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng. Cụ thể anh Lê Tấn L là người bị bệnh tâm thần, mất năng lực hành vi dân sự, cấp sơ thẩm không trưng cầu giám định lại tổng đạt, xét xử vắng mặt là không đúng. Mặc khác, không có chứng cứ chứng minh bà T1 và anh H có hành vi cản trở quyền sử dụng đất, xây dựng nhà tạm trên đất nhưng Tòa án lại buộc chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ di dời nhà tạm là không phù hợp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do chị Trần Thị Mỹ T đứng tên quyền sử dụng đất là không phù hợp. Bởi lẽ không có chứng cứ chứng minh anh L và anh H có hành vi cản trở. Đồng thời, tại phiên tòa, anh L cho rằng căn nhà tạm trên đất là tài sản của anh L nên việc Tòa án buộc bà T1, anh H có trách nhiệm di dời là không đủ cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, buộc bà T1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và buộc anh L có trách nhiệm di dời căn nhà tạm trên phần đất nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh H. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Mỹ T là chủ sử dụng thửa đất 203, tờ bản đồ số 09, diện tích 885,2 m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Chị T cho rằng vào các ngày 24/4/2020, 27/4/2020, chị T thuê người xây dựng tường rào xung quanh để bảo vệ

đất, khi thợ đang tiến hành xây dựng thì gia đình bà Nguyễn Thị T1 ngăn cản, sự việc có trình báo Công an xã P lập biên bản. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết tranh chấp, gia đình bà T1 còn tự ý xây dựng 01 căn nhà tạm trên đất của chị. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu hộ bà T1 gồm bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, bồi thường thiệt hại cho chị T số tiền 20.000.000 đồng và phải di dời căn nhà tạm để trả đất lại cho chị.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh H cho rằng bà T1, anh H, anh L không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của chị T, không gây thiệt hại, cũng như không có cơ sở xác định căn nhà tạm trên đất của chị T là do hộ gia đình bà T1 xây cất.

[2] Theo các biên bản sự việc ngày 24/4/2020 và ngày 27/4/2020 của Công an xã P, thành phố B, công văn số 262/UNND-TP ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã P có nội dung xác nhận vào các ngày 24/4/2020, 27/4/2020 chị Trần Thị Mỹ T thuê công nhân xây dựng hàng rào trên thửa đất 203, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp 1, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, do chị T đứng tên quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị T1 có hành vi ngăn cản, dùng dao đe dọa. Ngoài ra, bà T1 còn đào đất và phân cát trên thửa đất nêu trên của chị T đem về san lấp trên phần đất của bà và bà còn tự ý cất một căn nhà cột gỗ, mái tôn, diện tích khoảng 10m<sup>2</sup> trên phần đất của chị T để ở tạm.

Qua đó có cơ sở xác định gia đình bà T1 có hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của chị T nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc gia đình bà T1 chấm dứt hành vi và tháo dỡ, di dời nhà tạm đã xây cất trên đất là có cơ sở. Bà T1, anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do anh L là người mất năng lực hành vi dân sự nhưng cấp sơ thẩm không trưng cầu giám định mà tổng đạt và xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh L mất năng lực hành vi dân sự nên sau khi thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định pháp luật.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh H phải

chịu án phí phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Riêng bà T1 là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Căn cứ các điều 163, 164, 166, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do chị Trần Thị Mỹ T đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L có trách nhiệm di dời căn nhà (tạm) kết cấu nền đất, mái tôn, cột gỗ để trả cho chị Trần Thị Mỹ T phần đất có diện tích 7,3 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 203, tờ bản đồ số 09, tọa lạc xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do chị Trần Thị Mỹ T đứng tên quyền sử dụng đất. Ghi nhận việc hộ bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền 6.937.600 (Sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L bồi thường thiệt hại đối với số tiền 13.062.400 (Mười ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

4. Về chi phí thu thập chứng cứ là: 2.203.000 (Hai triệu hai trăm lẻ ba nghìn) đồng, buộc bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L phải chịu 1.468.600 (Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm) đồng, chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 734.300 (Bảy trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm) đồng nhưng do chị Trần Thị Mỹ T đã nộp tạm ứng trước số tiền trên nên bà Nguyễn Thị T1, anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L có trách nhiệm liên đới lại cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền 1.468.600 (Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm) đồng, chị Trần Thị Mỹ T không phải nộp thêm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị T1 được miễn toàn bộ án phí.
- Buộc anh Lê Thanh H, anh Lê Tấn L phải liên đới chịu 1.051.600 (Một triệu không trăm năm mươi một nghìn sáu trăm) đồng.
- Buộc chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 346.800 (Ba trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009049 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Trần Thị Mỹ T được nhận lại số tiền chênh lệch là 153.200 (Một trăm năm mươi ba nghìn hai trăm) đồng.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012032 ngày 12/8/2020 và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005242 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

**6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 được miễn.**

Anh Lê Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005278 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**

